TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/LĐ-ST
Ngày: 29-9-2017.
V/v: Tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Công Trường
2. Bà Vũ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Ma Quang Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 510/2017/TLST-LĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp tiền lương*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-LĐ ngày 28/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-LĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm: 1963
Địa chỉ: Tổ K, ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. (Có mặt)
Bị đơn: Công ty TNHH J
Địa chỉ: Khu công nghiệp K, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Loic H – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày như sau:

Bà Đinh Thị H làm việc tại Công ty TNHH J vào năm 2007 đến tháng 10/2014, ký hợp đồng lao động số 140/HĐLĐ/2013 ký ngày 01/4/2013, kèm theo phụ lục hợp đồng lao động số 27/PLHĐ/2014 ngày 01/01/2014. Vị trí công việc là tạp vụ, mức lương cơ bản là 2.570.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo. Tháng 10/2014, Công ty thông báo cho toàn bộ công nhân nghỉ việc và cam kết trả 100% lương cơ bản. Tuy nhiên từ tháng 10/2014 công ty không hoạt động trở lại cũng như không thanh toán cho bà tiền lương ngừng việc như đã cam kết.

Bà H xác định hiện nay Công ty TNHH J còn nợ bà 03 tháng lương ngừng việc gồm lương tháng 10/2014, tháng 11/2014 và tháng 12/2014 . Nay bà khởi

kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH J phải thanh toán 03 tháng lương ngừng theo mức lương cơ bản 2.570.000 đồng x 03 = 7.771.000 đồng.

Đối với bị đơn:

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng bị đơn Công ty TNHH J không có mặt làm việc cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H, buộc Công ty TNHH J phải có trách nhiệm thanh toán tiền lương ngừng việc việc cho bà H từ tháng 10/2014 cho đến tháng 12/2014.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH J phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH J thanh toán tiền lương còn nợ, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp về tiền lương". Công ty TNHH J có trụ sở chính tại Khu công nghiệp K, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty TNHH J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung: Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà Đinh Thị H và Công ty TNHH J thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Bà H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH J thông qua người đại diện của Công ty, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà H và Công ty TNHH J, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng lao động giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Tháng 10/2014 Công ty TNHH J lâm vào tình trạng khó

khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên người đại diện của Công ty đã thông báo bằng miệng về việc cho toàn thể công nhân tạm nghỉ chờ việc từ tháng 10/2014 và hứa thanh toán 100% lương cơ bản. Ngày 01/02/2015, Công ty TNHH J mới có thông báo bằng văn bản đến Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc tạm ngưng hoạt động của Công ty kể từ ngày 01/02/2015. Thông báo này không được gửi tới người lao động. Do đó, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thông báo cho người lao động được biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động. Nên trong trường hợp này lỗi thuộc về Công ty TNHH J. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà Đinh Thị H với Công ty TNHH J kể từ ngày 01/02/2015.

Xét yêu cầu của bà H về việc thanh toán 03 tháng tiền lương ngừng việc thấy:

Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của bà H cung cấp xác định từ tháng 10/2014 đến tháng 12/2014 Công ty TNHH J không thực hiện việc thanh toán tiền lương ngừng việc cho bà. Như vậy phía Công ty TNHH J đã vi phạm nghĩa vụ "*bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân từ ngày 06 đến ngày 10 hàng tháng*" . Thỏa thuận này được quy định tại Điều 3, Điều 4 hợp đồng lao động. Đồng thời vi phạm các Điều 96, Điều 98 Bộ luật lao động. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Công ty TNHH J cung cấp tài liệu chứng cứ về việc thông báo cho người lao động nghỉ việc và thanh toán tiền lương ngừng việc cho người lao động. Tuy nhiên Công ty không tham gia tố tụng hoặc có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong trường hợp này bị đơn được xem là cố tình vắng mặt nhằm từ chối thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận đối với nguyên đơn nên căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu trách nhiệm về sự vắng mặt của mình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH J phải thanh toán 03 tháng tiền lương ngừng việc (tháng 10/2014, tháng 11/2014 và tháng 12/2014) là 2.570.000 đồng x 3 tháng = 7.710.000 đồng.

[3]Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được Tòa án chấp nhận nên buộc Công ty TNHH J phải nộp án phí lao động sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 36, Điều 37, Điều 90, Điều 98 Bộ luật lao động;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về "Tranh chấp tiền lương" đối với Công ty TNHH J.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số 140/HĐLĐ/2013 ngày 01/4/2013 và phụ lục hợp đồng số 27/PLHĐ/2014 ngày 01/01/2014 được ký kết giữa bà Đinh Thị H với Công ty TNHH J kể từ ngày 01/02/2015.

Buộc Công ty TNHH J phải thanh toán cho bà Đinh Thị H 03 tháng tiền lương ngừng việc (tháng 10/2014, tháng 11/2014, tháng 12/2014) là 7.710.000đ (Bảy triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thi hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH J phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Xuân Thường

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.